

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-3-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân.

Ông Trần Đình Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2022/QĐST- HNGĐ ngày 09/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn H, xã K, huyện Q, tỉnh T; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn B, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Ngô Thị N trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị N và anh Vũ Văn B kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 93/2010 ngày 29/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về chung sống tại xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hạnh phúc của vợ chồng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và lối sống, vợ chồng bất đồng trong quan điểm làm ăn kinh tế dẫn đến thường xảy ra cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã phát sinh căng thẳng và trầm trọng. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau, hiện vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho tới nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh B.

2. Về con chung:

Chị N trình bày chị và anh B có 01 con chung tên là Vũ Văn Thái sinh ngày 18/02/2010 hiện chị đang trực tiếp nuôi. Khi ly hôn, chị N đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung; về cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh B tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị N trình bày chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Văn B là bị đơn trong vụ án trong quá trình giải quyết vụ án có trình bày quan điểm như sau:

Anh và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về chung sống cùng với gia đình nhà chồng tại thôn Đường Trường, xã L, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Quá trình chung sống hạnh phúc của vợ chồng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không thành. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hiện chị N có đơn xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Vũ Văn Thái sinh ngày 18/02/2010 hiện do chị N đang trực tiếp nuôi. Khi ly hôn, anh cũng đồng ý để chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung; về cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị Ngô Thị N và anh Vũ Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện

và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn 93 ngày 29/7/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về sinh sống tại thôn Đường Trường, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên có xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hoà giải nhưng không thành. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân. Chị N và anh B có 01 con chung tên là Vũ Văn Thái sinh ngày 18/02/2010 và hiện nay con chung đang ở cùng với chị N, con chung được chị N chăm sóc đầy đủ, phát triển B thường, chị N và anh B đều có điều kiện nuôi con. Về tài sản chung của vợ chồng: Địa phương không nắm được và đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị N và anh Vũ Văn B; về con chung: Giao cho chị Ngô Thị N trực tiếp nuôi con chung tên là Vũ Văn Thái sinh ngày 18/02/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Ngô Thị N vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị N và anh Vũ Văn B đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 29/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình

chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2021 mâu thuẫn trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị N và anh B đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị N và anh B.

[3]. Về con chung: Chị N và anh B có 01 con chung tên là Vũ Văn Thái sinh ngày 18/02/2010. Khi ly hôn, chị N đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên là Vũ Văn Thái. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, chị N đang trực tiếp nuôi con chung vẫn ổn định, con chung phát triển B thường và được đảm bảo tốt về mọi mặt, chị N và anh B đều có đủ điều kiện, khả năng chăm sóc nuôi dạy các con chung. Con chung tên là Vũ Văn Thái sinh ngày 18/02/2010 có nguyện vọng được ở với chị N khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, cần giao con chung cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N, anh B đề nghị để anh chị tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh B có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị N và anh Vũ Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị N trực tiếp nuôi con chung tên là Vũ Văn Thái sinh ngày 18/02/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngô Thị N và anh Vũ Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Ngô Thị N và anh Vũ Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007582 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị Ngô Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Ngô Thị N và bị đơn là anh Vũ Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L, T,
- (Giấy CNKH số 93 ngày 29/7/2010);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân